

Phụ lục I
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM ĐÃ HOÀN THÀNH
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ, ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH (*)

Stt	Cơ sở giáo dục	Năm hoàn thành báo cáo tự đánh giá	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
1	Trường ĐH Giao thông vận tải	2007, 2015, 2021 (V2)*	01/2016 (VNU-CEA), 01/2022 (V2) (VNU-CEA)	Đạt 83,6% (23/3/2016), 3,94; 4,01; 4,16; 3,961, (14/3/2022) - V2	Cập nhật 31/3/2022
2	Trường ĐH Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	2007, 2015, 2022 (V2)*	11/2016 (VNU-HCM CEA), 6/2022 (V2) (VNU-HCM CEA)	Đạt 81,97% (03/5/2017), 3,99; 3,91; 4,01; 3,631, (07/9/2022) - V2	Cập nhật 30/9/2022
3	Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2015	12/2016, (VNU-HCM CEA)	Đạt 88,52% (03/5/2017)	Cập nhật 31/5/2017
4	Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh	2007, 2015, 2022 (V2)*	10/2016, (VNU-HCM CEA)	Đạt 85,25% (03/5/2017)	Cập nhật 31/10/2022
5	Trường ĐH Mở TP. Hồ Chí Minh	2008, 2015, 2022 (V2)*	5/2017 (VNU-HCM CEA), 12/2022 (V2) (VNU-HCM CEA)	Đạt 85,25% (18/9/2017)	Cập nhật 31/01/2023

Stt	Cơ sở giáo dục	Năm hoàn thành báo cáo tự đánh giá	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
6	Trường ĐH Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	2009, 2015, 2022 (V2)*	3/2016 (VNU-HCM CEA), 12/2022 (V2) (VNU-HCM CEA)	Đạt 80,33% (12/9/2016)	Cập nhật 31/12/2022
7	Trường ĐH Sài Gòn	2009, 2013, 2015, 2022 (V2)*	01/2017 (VNU-CEA), 12/2022 (V2) (VNU-HCM CEA)	Đạt 80,3% (29/3/2017)	Cập nhật 31/12/2022
8	Trường ĐH Y Dược TP. Hồ Chí Minh	2009, 2015	7/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 85,25% (16/11/2017)	Cập nhật 30/11/2017
9	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)	2011, 2022 (V2)*	10/2016 (VNU-CEA) 11/2022 (VNU-CEA) (V2)	Đạt 86,9% (27/3/2017) 4,09; 4,25; 4,08; 4,171 (23/12/2022) - V2	Cập nhật 31/12/2022
10	Trường ĐH Quốc tế (ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)	2011	12/2015 (VNU-CEA)	Đạt 88,5% (14/10/2016)	Cập nhật 31/10/2016
11	Trường ĐH Kinh tế - Luật (ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)	2011, 2022 (V2)*	11/2016 (VNU-CEA), 12/2022 (V2) (VNU-CEA)	Đạt 85,2% (10/4/2017)	Cập nhật 31/12/2022
12	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)	2011, 2022 (V2)*	11/2016 (VNU-CEA), 10/2022 (V2) (VNU-CEA)	V1: Đạt 86,9% (03/4/2017) V2: 4,25; 4,16; 4,27; 4,35 ¹ (23/12/2022) - V2	Cập nhật 31/12/2022
13	Trường ĐH CNTT (ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)	2012, 2016 2022 (V2)*	10 /2016 (VNU-CEA), 10/2022 (V2) (VNU-CEA)	V1: Đạt 83,6% (12/4/2017) V2: 3,96; 4,01; 4,00; 4,13 ¹ (23/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022

Stt	Cơ sở giáo dục	Năm hoàn thành báo cáo tự đánh giá	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
14	Trường ĐH Tài chính – Marketing	2013, 2022 (V2)*	9/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 80,33% (16/11/2017)	Cập nhật 31/10/2022
15	Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	2009, 2014, 2017, 2022 (V2)*	8/2017 (VNU-HCM CEA), 12/2022 (V2) (VNU-HCM CEA)	Đạt 85,25% (16/12/2017)	Cập nhật 31/12/2022
16	Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh	2015, 2022 (V2)*	12/2016 (VNU-HCM CEA), 7/2022 (V2) (VNU-HCM CEA)	Đạt 80,33% (03/5/2017), 4,15; 4,04; 3,93; 3,541, (12/9/2022) - V2	Cập nhật 30/9/2022
17	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	2015, 2022 (V2)*	12/2016 (VNU-HCM CEA), 5/2022 (V2) (VU-CEA)	Đạt 80,33% (03/5/2017), 4,16; 4,05; 4,00; 4,041, (15/7/2022) - V2	Cập nhật 31/7/2022
18	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2010, 2022 (V2)*	9/2017 (CEA-AVU&C), 9/2017 (CEA-AVU&C), 11/2022 (CEA-AVU&C) (V2)	Đạt 83, 6% (09/01/2018) 3,91; 3,93; 3,96; 3,96 ¹ (19/01/2023) - V2	Cập nhật 31/1/2023
19	Trường ĐH Văn Lang	2006, 2016, 2017, 2022 (V2)*	12/2017 (CEA-AVU&C)	Đạt 80,33% (11/5/2018)	Cập nhật 31/5/2022
20	Học viện Hàng không Việt Nam	2015	12/2017 (CEA-AVU&C)	Đạt 80,33% (14/5/2018)	Cập nhật 15/5/2018
21	Trường ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	2006, 2017	12/2017 (CEA-AVU&C)	Đạt 83,61% (14/5/2018)	Cập nhật 15/5/2018
22	Trường ĐH Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh	2008, 2010	01/2018 (CEA-UD)	Đạt 81,97% (27/5/2018)	Cập nhật 31/5/2018

Stt	Cơ sở giáo dục	Năm hoàn thành báo cáo tự đánh giá	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
23	Trường ĐH Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh	2006	12/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 82% (11/6/2018)	Cập nhật 30/6/2018
24	Trường ĐH Công nghệ Sài Gòn	2014	01/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 83,61% (04/6/2018)	Cập nhật 30/6/2018
25	Trường ĐH Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	2008, 2010, 2018*	7/2018 (CEA-UD)	4,44; 4,53; 4,49; 4,54[1] (15/11/2018)	Cập nhật 30/11/2018
26	Trường ĐH Kinh tế Tài chính TP. Hồ Chí Minh	2008, 2018*	8/2018 (VNU-HCM CEA)	3,81; 3,53; 3,67; 3,631, (02/01/2019)	Cập nhật 31/01/2019
27	Trường ĐH Thủy lợi	2007, 2018*	9/2018 (VNU-CEA)	4,37; 4,03; 4,29; 4,311, (20/3/2019)	Cập nhật 31/3/2018
28	Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng	2008, 2018*	11/2017 (VNU-HCM CEA), 01/2019 (CEA-AVU&C)	4,44; 4,54; 4,41; 4,381, (23/3/2019)	Cập nhật 31/3/2019
29	Trường ĐH FPT	2012, 2018*	01/2019 (VU-CEA)	4,56; 4,03; 4,32; 4,521, (08/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
30	Trường ĐH Hoa Sen	2011, 2016, 2019*	11/2019 (CEA-AVU&C)	3,94; 4,02; 3,84; 3,851, (14/02/2020)	Cập nhật 29/02/2020
31	Trường ĐH Văn Hiến	2013, 2019*	8/2019 (CEA-UD)	3,88; 3,95; 3,81; 3,791, (12/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
32	Trường ĐH Văn hóa TP. Hồ Chí Minh	2008, 2016, 2019*	9/2019 (VNU-HCM CEA)	3,64; 3,55; 3,53; 3,501, (08/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
33	Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn	2010, 2019*	3/2020 (CEA-UD)	3,93; 4,06; 4,10; 4,021, (20/6/2020)	Cập nhật 30/6/2020
34	Trường ĐH Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	2007, 2020*	11/2020 (CEA-UD)	4,05; 4,00; 3,97; 4,001 , (22/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
35	Trường ĐH Công nghệ Thông tin Gia Định, (nay là Trường ĐH Gia Định)	2014, 2020*	10/2020 (CEA-AVU&C)	3,90; 3,99; 3,93; 3,85, (24/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021

Stt	Cơ sở giáo dục	Năm hoàn thành báo cáo tự đánh giá	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
36	Trường ĐH Tài nguyên Môi trường TP. Hồ Chí Minh	2014, 2021*	11/2017 (VNU-HCM CEA), 5/2021 (VU-CEA)	3,81; 3,91; 3,87; 3,671, (15/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
37	Trường ĐH Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh	2020*, 2022*	9/2022 (CEA-AVU&C)	3,63; 3,69; 3,69; 3,651 (19/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
38	Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch	2015, 2022*	10/2022 (VNU-HCM CEA)	4,03; 3,93; 4,12; 4,041 (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
39	Trường ĐH An ninh Nhân dân TP. Hồ Chí Minh	2009, 2020*			Cập nhật 31/7/2020
40	Trường ĐH Cảnh sát Nhân dân TP. Hồ Chí Minh	2009, 2020*			Cập nhật 31/7/2020
41	Trường ĐH Sư phạm Thể dục Thể thao TP. Hồ Chí Minh	2011, 2022*			Cập nhật 31/01/2022
42	Trường ĐH Thể dục Thể thao TP. Hồ Chí Minh	2011, 2022*			Cập nhật 30/6/2022
43	Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh	2011, 2012			
44	Trường ĐH Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	2009, 2021*	11/2022 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/11/2022
45	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	2008, 2011			
46	Trường ĐH Bách khoa (ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)	2005			

(*) Danh sách trích từ nguồn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Dữ liệu cập nhật đến ngày 31/01/2023).

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG HIỆU TRƯỞNG
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (*)

I - THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC

Stt	Tên trường	Tổ chức kiểm định CLGD	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Giấy chứng nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường ĐH Giao thông Vận tải	VNU-CEA	01/2016, 01/2022, (V2)	V1: Đạt 83,6% V2: 3,94; 4,01; 4,16; 3,961	02/NQ- HĐKĐCLGD, 70/NQ- HĐKĐCLGD	23/3/2016 14/3/2022	23/3/2021 11/3/2027
2	Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM	VNU-HCM CEA	3/2016, 7/2022, (V2)	Đạt 80,33%	04/NQ- HĐKĐCLGD	12/9/2016	12/9/2021
3	Trường ĐH Quốc tế (ĐHQG TP. HCM)	VNU-CEA	4/2016, 12/2021 (V2)	Đạt 88,5%	06/NQ-HĐKĐCL	14/10/2016	14/10/2021
4	Trường ĐH Sài Gòn	VNU-CEA	12/2016, 6/2022, (V2)	Đạt 80,3%	08/NQ-HĐKĐCL	29/3/2017	29/3/2022
5	Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG TP. HCM)	VNU-CEA	01/2017	V1: Đạt 86,9% V2: 4,09; 4,25; 4,08; 4,17 ¹	01/NQ-HĐKĐCL, 126/NQ-HĐKĐCL	27/03/2017, 23/12/2022	27/03/2022, 23/12/2027

Stt	Tên trường	Tổ chức kiểm định CLGD	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Giấy chứng nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
6	Trường ĐH KHTN (ĐHQG TP. HCM)	VNU-CEA	10/2016	V1: Đạt 86,9% V2: 4,25; 4,16; 4,27; 4,35 ¹	06/NQ-HĐKĐCL, 127/NQ-HĐKĐCL	03/04/2017, 23/12/2022	03/04/2022, 23/12/2027
7	Trường ĐH Ngoại thương	VNU-CEA	11/2016	V1: Đạt 85,2%, V2: 4,24; 4,05; 4,09; 4,35 ¹	05/NQ-HĐKĐCL, 71/NQ-HĐKĐCL	07/4/2017, 10/8/2022	07/4/2022, 10/8/2027
8	Trường ĐH Kinh tế - Luật (ĐHQG TP. HCM)	VNU-CEA	11/2016, 4/2022 , (V2)	Đạt 85,2%	04/NQ-HĐKĐCL	10/4/2017	10/4/2022
9	Trường ĐH CNTT (ĐHQG TP. HCM)	VNU-CEA	11/2016	V1: Đạt 83,6% V2: 3,96; 4,01; 4,00; 4,13 ¹	03/NQ-HĐKĐCL, 128/NQ-HĐKĐCL	12/4/2017, 23/12/2022	12/4/2022, 23/12/2027
10	Trường ĐH Luật TP. HCM	VNU-HCM CEA	10/2016	Đạt 85,25%	01/NQ-HĐKĐCLGD	3/5/2017	3/5/2022
11	Trường ĐH Giao thông Vận tải TP. HCM	VNU-HCM CEA	10/2016, 6/2022 (V2)	Đạt 81,97%, V2: 3,99; 3,91; 4,01; 3,63	02/NQ-HĐKĐCLGD, 49/NQ-HĐKĐCLGD	03/5/2017, 07/9/2022	03/5/2022, 07/9/2027
12	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM	VNU-HCM CEA	11/2016	Đạt 86,89%	04/NQ-HĐKĐCLGD	03/5/2017	03/5/2022
13	Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM	VNU-HCM CEA	11/2016, 7/2022 (V2)	Đạt 80,33%, V2: 4,15; 4,04; 3,93; 3,54	05/NQ-HĐKĐCLGD, 43/NQ-HĐKĐCLGD	03/5/2017, 12/9/2022	03/5/2022, 12/9/2027
14	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	VNU-HCM CEA, VU-CEA	12/2016, 5/2022 (V2)	V1: Đạt 80,33%, V2: 4,16; 4,05; 4,00; 4,04 ¹	06/NQ-HĐKĐCLGD, 134/NQ-HĐKĐCLV	03/5/2017, 15/7/2022	03/5/2022, 15/7/2027

Stt	Tên trường	Tổ chức kiểm định CLGD	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Giấy chứng nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
15	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	VNU-HCM CEA	12/2016	Đạt 88,52%	03/NQ-HĐKĐCLGD	03/5/2017	03/5/2022
16	Trường ĐH Mở TP. HCM	VNU-HCM CEA	5/2017	Đạt 85,25%	07/NQ-HĐKĐCLGD	18/9/2017	18/9/2022
17	Trường ĐH Y Dược TP. HCM	VNU-HCM CEA	7/2017	Đạt 85,25%	11/NQ-HĐKĐCLGD	16/11/2017	16/11/2022
18	Trường ĐH Tài chính – Marketing	VNU-HCM CEA	9/2017	Đạt 80,33%	13/NQ-HĐKĐCLGD	16/11/2017	16/11/2022
19	Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM	VNU-HCM CEA	8/2017	Đạt 85,25%	14/NQ-HĐKĐCLGD	16/12/2017	16/12/2022
20	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	CEA-, AVU&C	9/2017, 11/2022	Đạt 83,60% V2: 3,91; 3,93; 3,96; 3,96 ¹	11/NQ-HĐKĐCLGD, 69/NQ-HĐKĐCLGD	09/01/2018, 27/01/2023	09/01/2022, 27/01/2028
21	Trường ĐH Văn Lang	CEA-, AVU&C	12/2017	Đạt 80,33%	06/NQ-HĐKĐCLGD	11/5/2018	11/5/2023
22	Học viện Hàng không Việt Nam	CEA-, AVU&C	12/2017	Đạt 80,33%	01/NQ-HĐKĐCLGD	14/5/2018	14/5/2023
23	Trường ĐH Sư phạm TP. HCM	CEA-, AVU&C	12/2017	Đạt 83,61%	03/NQ-HĐKĐCLGD	14/5/2018	14/5/2023
24	Trường ĐH Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM	CEA-UD	01/2018	Đạt 81,97%	07/NQ-HĐKĐCLGD	27/5/2018	26/5/2023
25	Trường ĐH Công nghệ Sài Gòn	VNU-HCM CEA	01/2018	Đạt 83,61%	07/NQ-HĐKĐCLGD	04/06/2018	04/08/2023
26	Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM	VNU-HCM CEA	12/2017	Đạt 82%	06/NQ-HĐKĐCLGD	6/11/2018	6/11/2023

Stt	Tên trường	Tổ chức kiểm định CLGD	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Giấy chứng nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
27	Trường ĐH Lao động - Xã hội	VNU-CEA	12/2017	Đạt 80,3%	17/NQ-HĐKĐCLGD	30/6/2018	30/6/2023
27	Trường ĐH Công nghệ TP. HCM	CEA-UD	7/2018	4,44; 4,53; 4,49; 4,54 ^[1]	11/NQ-HĐKĐCLGD	15/11/2018	14/11/2023
28	Trường ĐH Kinh tế Tài chính TP. HCM	VNU-HCM CEA	8/2018	3,81; 3,53; 3,76; 3,63 ¹	10/NQ-HĐKĐCLGD	02/01/2019	02/01/2024
29	Trường ĐH Thủy lợi	VNU-CEA	9/2018	4,37; 4,03; 4,29; 4,31 ¹	01/NQ-HĐKĐCL	20/3/2019	20/3/2024
30	Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng	CEA-AVU&C	01/2019	4,44; 4,54; 4,41; 4,38 ¹	01/NQ-HĐKĐCLGD	18/3/2019	18/3/2024
31	Trường ĐH FPT	VU-CEA	01/2019	4,56; 4,03; 4,32; 4,52 ¹	03/NQ-HĐKĐCL	08/8/2019	08/8/2024
32	Trường ĐH Hoa Sen	CEA-AVU&C	02/2020	3,94; 4,02; 3,84; 3,85 ¹	05/NQ-HĐKĐCLGD	14/2/2020	14/2/2025
33	Trường ĐH Văn Hiến	CEA-UD	3/2020	3,88; 3,95; 3,81; 3,79 ¹	03/2020/NQ-HĐKĐCLGD	12/3/2020	12/3/2025
34	Trường ĐH Văn hóa TP. Hồ Chí Minh	VNU-HCM CEA	9/2019	3,64; 3,55; 3,53; 3,50 ¹	09/NQ-HĐKĐCLGD	08/4/2020	08/4/2025
35	Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn	CEA-UD	3/2020	3,93; 4,06; 4,10; 4,02 ¹	04/2020/NQ-HĐKĐCLGD	20/6/2020	20/6/2025
36	Trường ĐH Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	CEA-UD	11/2020	4,05; 4,00; 3,97; 4,00 ¹	02/2021/NQ-HĐKĐCLGD	22/02/2021	22/02/2026
37	Trường ĐH Tài nguyên Môi trường TP. Hồ Chí Minh	VU-CEA	5/2020	3,81; 3,91; 3,87; 3,67 ¹	61/NQ-HĐKĐCLV	15/8/2021	15/8/2026
38	Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch	VNU-HCM CEA	10/2022	4,03; 3,93; 4,12; 4,04 ¹	62/NQ-HĐKĐCLGD	19/01/2023	19/01/2028

Stt	Tên trường	Tổ chức kiểm định CLGD	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Giấy chứng nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
39	Trường ĐH Hùng Vương	CEA-AVU&C	9/2023	3,63; 3,69; 3,69; 3,65 ¹	61/NQ-HĐKĐCLGD	19/01/2023	19/01/2028

II - THEO TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI

Stt	Tên trường	Tổ chức kiểm định CLGD	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Giấy chứng nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường ĐH Bách khoa (ĐHQG TP. HCM)	HCERES	3/2017	Đạt		12/6/2017	12/6/2022
		AUN-QA	9/2017	Đạt		10/10/2017	09/10/2022
2	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	HCERES	4/2018	Đạt		02/7/2018	02/7/2023
3	Trường ĐH Quốc tế (ĐHQG TP. HCM)	AUN-QA	11/2018	Đạt		27/12/2018	26/12/2023

(*) Danh sách trích từ nguồn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Dữ liệu cập nhật đến ngày 31/01/2023).

Stt	Tên trường	Tổ chức kiểm định CLGD	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Giấy chứng nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG HIỆU TRƯỞNG
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III

**DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM ĐÃ HOÀN THÀNH
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ, ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC (*)**

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Stt	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
1	Trường Đại học Sài Gòn	1	Giáo dục tiểu học	9/2018	12/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86%, (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		2	Sư phạm tiếng Anh	9/2018	03/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 80%, (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		3	Sư phạm Lịch sử	9/2018	03/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86%, (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		4	Toán - ứng dụng	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 84%, (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		5	Quản trị kinh doanh	9/2019	6/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 84%, (14/12/2020)	Cập nhật 31/01/2021
		6	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	9/2019	6/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88%, (14/12/2020)	Cập nhật 31/01/2021
		7	Công nghệ thông tin	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 82%, (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		8	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 84%, (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Stt	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
		9	Luật	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82%, (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		10	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82%, (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		11	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 80%, (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
2	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh	12	Công nghệ sinh học	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 82%, (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		13	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90%, (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		14	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA), 10/2019 (VNU-HCM CEA) - ĐGL	Đạt 80%, (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		15	Công nghệ thông tin	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 80%, (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		16	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	2019	11/2019, (VNU-HCM CEA)	Đạt 84%, (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		17	Kế toán	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90%, (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		18	Quản trị kinh doanh	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86%, (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		19	Công nghệ chế biến thủy sản	5/2020	11/2021, (VNU-HCM CEA)	Đạt 90%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Stt	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
		20	Tài chính - Ngân hàng	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		21	Công nghệ chế tạo máy	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		22	Kỹ thuật môi trường (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88%, (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		23	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88%, (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		24	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84%, (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
3	Trường Đại học Thủy lợi	25	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	11/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88%, (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		26	Quản lý xây dựng	11/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86%, (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		27	Kế toán	11/2018	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 88%, (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		28	Kinh tế	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90%, (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		29	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90%, (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		30	Kỹ thuật xây dựng,	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90%, (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		31	Quản trị kinh doanh	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90%, (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		32	Kỹ thuật Môi trường	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90%, (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Stt	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
		33	Kỹ thuật Xây dựng công trình , giao thông	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88%, (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		34	Kỹ thuật Tài nguyên nước	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88%, (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		35	Kỹ thuật Cơ khí	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90%, (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		36	Công nghệ thông tin	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86%, (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
4	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	37	Quản trị khách sạn	3/2019	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96%, (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		38	Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử	3/2019	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88%, (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		39	Dược học	9/2019	12/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92%, (18/5/2020)	Cập nhật 31/5/2020
		40	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 94%, (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		41	Kỹ thuật Xây dựng	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88%, (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		42	Luật Kinh tế	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 92%, (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		43	Ngôn ngữ Trung Quốc	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 90%, (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		44	Kiến trúc	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88%, (14/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		45	Công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ)	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94%, (14/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Stt	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
		46	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	10/2021			Cập nhật 31/10/2021
		47	Việt Nam học	10/2021			Cập nhật 31/10/2021
5	Trường Đại học Tài chính - Marketing	48	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	02/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90%, (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		49	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90%, (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		50	Quản trị Marketing (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96%, (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		51	Quản trị kinh doanh tổng hợp (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96%, (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		52	Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98%, (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		53	Tài chính - Ngân hàng	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92%, (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		54	Marketing	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94%, (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		55	Quản trị kinh doanh	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96%, (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		56	Kinh doanh Quốc tế	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94%, (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		57	Bất động sản	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88%, (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		58	Ngôn ngữ Anh	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Stt	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
		59	Hệ thống thông tin quản lý	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86%, (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		60	Kế toán	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96%, (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		61	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		62	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		63	Quản trị khách sạn	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
6	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	64	Kế toán	7/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96%, (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		65	Công nghệ Thông tin	7/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96%, (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		66	Kỹ thuật điện	10/2019	11/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 82%, (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		67	Quản trị kinh doanh	10/2019	11/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 82%, (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		68	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88%, (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		69	Kỹ thuật cơ khí	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 94%, (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		70	Luật kinh tế	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 90%, (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		71	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88%, (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Stt	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
		72	Thiết kế thời trang	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 90%, (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		73	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		74	Công nghệ sinh học	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		75	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		76	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88%, (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		77	Dược học	4/2021			Cập nhật 30/4/2021
		78	Ngôn ngữ Nhật	4/2021			Cập nhật 30/4/2021
		79	Tâm lý học	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		80	Marketing	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		81	Kiến trúc	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
7	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh	82	Tài chính - Ngân hàng	10/2019	12/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92%, (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		83	Quản trị kinh doanh	3/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 92%, (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		84	Ngôn ngữ Anh	3/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88%, (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		85	Luật kinh tế	12/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90%, (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Stt	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
		86	Kế toán	12/2020	3/2021, (VU-CEA)	Đạt 90%, (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		87	Marketing	12/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		88	Công nghệ thông tin	12/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		89	Kinh doanh quốc tế	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 92%, (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		90	Quan hệ công chúng	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 94%, (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		91	Quản trị khách sạn	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 90%, (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		92	Quản trị nhân lực	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 90%, (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
8	Trường Đại học Quốc tế Đại học Quốc gia	93	Thạc sĩ Quản lý công	12/2019	6/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80%, 17/8/2020	Cập nhật 31/8/2020
9	Trường Đại học Ngoại thương	94	Kinh doanh quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CE)	Đạt 88%, (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		95	Kinh tế và phát triển quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88%, (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		96	Phân tích và Đầu tư tài chính	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 86%, (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		97	Luật Thương mại quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 86%, (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		98	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84%, (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Stt	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
		99	Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp thương mại)	3/2021	4/2021, (VNU-CEA)	Đạt 84%, (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		100	Ngôn ngữ Nhật (Tiếng Nhật thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82%, (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		101	Ngôn ngữ Trung (Tiếng Trung thương mại)	3/2021	4/2021 VNU-CEA)	Đạt 84%, (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
10	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	102	Công nghệ thông tin (trình độ đại học)	6/2020	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92%, (19/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		103	Quản trị logistic & Vận tải đa phương thức (trình độ đại học)	6/2020	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92%, (19/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
11	Trường Đại học Văn Lang	104	Kế toán	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88%, (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		105	Quản trị Khách sạn	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86%, (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		106	Ngôn ngữ Anh	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90%, (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		107	Kỹ thuật công trình xây dựng	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90%, (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		108	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88%, (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		109	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86%, (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		110	Kỹ thuật Nhiệt	3/2021			Cập nhật 31/3/2021
		111	Kinh doanh Thương mại	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88%, (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Stt	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
		112	Kiến trúc	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88%, (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		113	Công nghệ Sinh học	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90%, (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		114	Quản trị kinh doanh	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88%, (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		115	Quan hệ Công chúng	3/2021			Cập nhật 31/3/2021
12	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	116	Khoa học máy tính	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 90%, (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		117	Ngôn ngữ Anh	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 90%, (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
13	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	118	Luật	9/2020	4/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94%, (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
14	Trường Đại học Văn Hiến	119	Công nghệ thông tin	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90%, (08/3/2021)	Cập nhật 31/3/2021
		120	Quản trị khách sạn	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90%, (08/3/2021)	Cập nhật 31/3/2021
15	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	121	Xã hội học	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90%, (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		122	Ngôn ngữ Trung Quốc	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90%, (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		123	Luật Kinh tế	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90%, (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		124	Hệ thống thông tin quản lý	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90%, (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Stt	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
16	Học viện Hàng không Việt Nam	125	Quản trị kinh doanh	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88%, (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		126	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88%, (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		127	Quản lý hoạt động bay	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88%, (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
17	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	128	Y học cổ truyền	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		129	Răng Hàm Mặt	11/2021	5/2022 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/5/2022
18	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh	130	Công nghệ thông tin	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92%, (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		131	Ngôn ngữ Anh	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92%, (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		132	Quản trị kinh doanh	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86%, (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
19	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	133	Thiết kế đồ họa	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 90%, (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		134	Thiết kế công nghiệp	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 90%, (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		135	Thiết kế nội thất	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92%, (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		136	Kỹ thuật xây dựng	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92%, (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		137	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng,	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92%, (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Stt	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
20	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	138	Dược học	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88%, (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		139	Điều dưỡng	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86%, (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		140	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86%, (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		141	Quản trị kinh doanh	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86%, (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
21	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh,	142	Công nghệ thông tin	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88%, (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		143	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88%, (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		144	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88%, (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		145	Quản lý tài nguyên và môi trường	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88%, (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
22	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn	146	Quản trị kinh doanh	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90%, (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
23	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	147	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94%, (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		148	Kỹ thuật Điện (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96%, (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		149	Hóa phân tích (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94%, (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		150	Kỹ thuật Điện tử (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96%, (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Stt	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
		151	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94%, (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		152	Kỹ thuật Xây dựng	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88%, (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		153	Quản lý Tài nguyên Môi trường	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90%, (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		154	Luật kinh tế	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88%, (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
24	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân	155	Đô thị học	01/2022	5/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/5/2022
		156	Ngôn ngữ Nga	01/2022	5/2022 (VU-CEA)		Cập nhật 31/5/2022

(*) Danh sách trích từ nguồn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Dữ liệu cập nhật đến ngày 31/01/2023).

Phụ lục IV

**DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM
ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (*)**

I. THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Giao thông Vận tải	1	Khai thác vận tải	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		2	Kinh tế vận tải	VNU-CEA	01/2017	Đạt 88%	23/3/2017	23/3/2022
		3	Kinh tế xây dựng	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		4	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		5	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình tiên tiến chuyên sâu Xây dựng công trình giao thông)	VNU-CEA	01/2017	Đạt 88%	23/3/2017	23/3/2022
2	Trường Đại học Sài Gòn	6	Giáo dục tiểu học	VNU-HCM CEA	12/2018	Đạt 86%	12/8/2019	12/8/2024
		7	Sư phạm tiếng Anh	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 80%	12/8/2019	12/8/2024
		8	Sư phạm Lịch sử	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 86%	12/8/2019	12/8/2024
		9	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	6/2020	Đạt 84%	14/12/2020	14/12/2025
		10	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	6/2020	Đạt 88%	14/12/2020	14/12/2025
		11	Tài Chính - Ngân hàng	VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/02/2021	26/02/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		12	Tài Chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2020	Đạt 80%	26/2/2021	26/2/2026
		13	Luật	VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/2/2021	26/2/2026
		14	Toán - ứng dụng	VU-CEA	01/2022	Đạt 84%	28/4/2022	28/4/2027
		15	Công nghệ thông tin	VU-CEA	01/2022	Đạt 82%	28/4/2022	28/4/2027
		16	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	01/2022	Đạt 84%	28/4/2022	28/4/2027
3	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh	17	Công nghệ sinh học	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 82%	15/10/2019	15/10/2024
		18	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 90%	15/10/2019	15/10/2024
		19	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	VNU-HCM CEA	3/2019, 10/2019	Đạt 80%	27/4/2020	27/4/2025
		20	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 80%	27/4/2020	27/4/2025
		21	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 84%	27/4/2020	27/4/2025
		22	Kế toán	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 90%	27/4/2020	27/4/2025
		23	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 86%	27/4/2020	27/4/2025
		24	Công nghệ chế biến thủy sản	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		25	Tài chính - ngân hàng	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 96%	04/4/2022	04/4/2027
		26	Công nghệ chế tạo máy	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		27	Kỹ thuật môi trường (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	12/2021	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027
		28	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	12/2021	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027
		29	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	12/2021	Đạt 84%	24/4/2022	24/4/2027
4	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	30	Quản trị khách sạn	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 96%	7/10/2019	7/10/2024
		31	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 88%	7/10/2019	7/10/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		32	Dược học	VNU-HCM CEA	12/2019	Đạt 92%	18/5/2020	18/5/2025
		33	Kiến trúc	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 88%	14/4/2022	14/4/2027
		34	Công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	14/4/2022	14/4/2027
		35	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VU-CEA	12/2021	Đạt 94%	05/5/2022	05/5/2027
		36	Kỹ thuật Xây dựng	VU-CEA	12/2021	Đạt 88%	05/5/2022	05/5/2027
		37	Luật Kinh tế	VU-CEA	12/2021	Đạt 92%	05/5/2022	05/5/2027
		38	Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	12/2021	Đạt 90%	05/5/2022	05/5/2027
5	Trường Đại học Thủy lợi	39	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	VNU-CEA	5/2019	Đạt 88%	12/10/2019	12/10/2024
		40	Quản lý xây dựng	VNU-CEA	5/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		41	Kế toán	VNU-CEA	5/2019	Đạt 88%	12/10/2019	12/10/2024
		42	Kinh tế	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		43	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		44	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		45	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		46	Kỹ thuật Môi trường	VNU-CEA	5/2021	Đạt 90%	09/9/2021	09/9/2026
		47	Kỹ thuật Xây dựng công trình gi	VNU-CEA	5/2021	Đạt 88%	09/9/2021	09/9/2026
		48	Kỹ thuật Tài nguyên nước	VNU-CEA	5/2021	Đạt 88%	09/9/2021	09/9/2026
		49	Kỹ thuật Cơ khí	VNU-CEA	5/2021	Đạt 90%	09/9/2021	09/9/2026
		50	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	5/2021	Đạt 86%	09/9/2021	09/9/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
6	Trường Đại học Tài chính - Marketing	51	Tài chính – Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 90%	16/12/2019	16/12/2024
		52	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 90%	16/12/2019	16/12/2024
		53	Quản trị Marketing (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		54	Quản trị kinh doanh tổng hợp (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		55	Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 98%	16/12/2019	16/12/2024
		56	Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		57	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		58	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 88%	04/4/2022	04/4/2027
		59	Quản trị khách sạn	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		60	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 92%	20/5/2022	20/5/2027
		61	Marketing	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 94%	20/5/2022	20/5/2027
		62	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 96%	20/5/2022	20/5/2027
		63	Kinh doanh Quốc tế	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 94%	20/5/2022	20/5/2027
		64	Bất động sản	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 88%	20/5/2022	20/5/2027
		65	Hệ thống thông tin quản lý	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 86%	20/5/2022	20/5/2027
		66	Kế toán	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 96%	20/5/2022	20/5/2027
7	Trường	67	Kế toán trình độ đại học	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	68	Công nghệ Thông tin trình độ đại học	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		69	Kỹ thuật điện	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 82%	24/4/2020	24/4/2025
		70	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 82%	24/4/2020	24/4/2025
		71	Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		72	Kỹ thuật cơ khí	VU-CEA	10/2020	Đạt 94%	28/5/2021	28/5/2026
		73	Luật kinh tế	VU-CEA	10/2020	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026
		74	Kỹ thuật xây dựng	VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		75	Thiết kế thời trang	VU-CEA	10/2020	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026
		76	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VU-CEA	12/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		77	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	VNU-HCM CEA	3/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		78	Công nghệ sinh học	VNU-HCM CEA	3/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		79	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	3/2021	Đạt 96%	04/4/2022	04/4/2027
		80	Tâm lý học	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		81	Marketing	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		82	Kiến trúc	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
8	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh	83	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	12/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		84	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	11/2020	Đạt 88%	26/2/2021	26/2/2026
		85	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	11/2020	Đạt 92%	26/2/2021	26/2/2026
		86	Luật kinh tế	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	26/5/2021	26/5/2026
		87	Kế toán	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	26/5/2021	26/5/2026
		88	Marketing	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		89	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		90	Kinh doanh quốc tế	VU-CEA	01/2022	Đạt 92%	24/4/2022	24/4/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		91	Quan hệ công chúng	VU-CEA	01/2022	Đạt 94%	24/4/2022	24/4/2027
		92	Quản trị khách sạn	VU-CEA	01/2022	Đạt 90%	24/4/2022	24/4/2027
		93	Quản trị nhân lực	VU-CEA	01/2022	Đạt 90%	24/4/2022	24/4/2027
		94	Luật quốc tế	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 94%	03/01/2023	03/01/2028
		95	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 94%	03/01/2023	03/01/2028
		96	Thương mại điện tử	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 94%	03/01/2023	03/01/2028
9	Trường Đại học Ngoại thương	97	Kinh doanh quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		98	Kinh tế và phát triển quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		99	Phân tích và Đầu tư tài chính	VNU-CEA	01/2020	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		100	Luật Thương mại quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		101	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
		102	Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
		103	Ngôn ngữ Nhật (Tiếng Nhật thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 82%	14/9/2021	14/9/2026
		104	Ngôn ngữ Trung (Tiếng Trung thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
10	Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	105	Quản lý công (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	6/2020	Đạt 80%	17/8/2020	17/8/2025
		106	Công nghệ thực phẩm	VNU-CEA	11/2022	Đạt 94%	09/01/2023	09/01/2028
11	Trường Đại học Văn Lang	107	Kế toán	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 88%	20/11/2020	20/11/2025
		108	Quản trị Khách sạn	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 86%	20/11/2020	20/11/2025
		109	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 90%	20/11/2020	20/11/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		110	Kỹ thuật công trình xây dựng	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 90%	15/6/2021	15/6/2026
		111	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 88%	15/6/2021	15/6/2026
		112	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 86%	15/6/2021	15/6/2026
		113	Kinh doanh Thương mại	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		114	Kiến trúc	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		115	Công nghệ Sinh học	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 90%	23/5/2022	23/5/2027
		116	Quản trị kinh doanh trình độ đại học	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
12	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	117	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
		118	Khoa học máy tính	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
13	Trường Đại học Văn Hiến	119	Công nghệ thông tin	CEA-UD	12/2020	Đạt 90%	08/3/2021	08/3/2026
		120	Quản trị khách sạn	CEA-UD	12/2020	Đạt 90%	08/3/2021	08/3/2026
14	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	121	Xã hội học	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
		122	Ngôn ngữ Trung Quốc	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
		123	Luật Kinh tế	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
		124	Hệ thống thông tin quản lý	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
15	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	125	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		126	Kỹ thuật Điện (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 96%	30/3/2022	30/3/2027
		127	Hóa phân tích (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		128	Kỹ thuật Điện tử (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 96%	30/3/2022	30/3/2027
		129	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		130	Kỹ thuật Xây dựng	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		131	Quản lý Tài nguyên Môi trường	VNU-CEA	12/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		132	Luật kinh tế	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
16	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	133	Y học cổ truyền	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 100%	04/4/2022	04/4/2027
17	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn	134	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
18	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh	135	Công nghệ thông tin	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
		136	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
		137	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
		138	Quản lý tài nguyên và môi trường	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
19	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	139	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CE	12/2021	Đạt 92%	19/5/2022	19/5/2027
		140	Quản trị logistic & Vận tải đa phương thức	VNU-HCM CE	12/2021	Đạt 92%	19/5/2022	19/5/2027
20	Học viện Hàng không Việt Nam	141	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		142	Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		143	Quản lý hoạt động bay	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
21	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	144	Dược học	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 88%	20/6/2022	20/6/2027
		145	Điều dưỡng	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 86%	20/6/2022	20/6/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		146	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 86%	20/6/2022	20/6/2027
		147	Quản trị kinh doanh	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 86%	20/6/2022	20/6/2027
		148	Tài chính - Ngân hàng	CEA-THANGLONG	6/2022	Đạt 90%	21/11/2022	21/11/2027
		149	Truyền thông đa phương tiện	CEA-THANGLONG	6/2022	Đạt 86%	21/11/2022	21/11/2027
		150	Ngôn ngữ Anh	CEA-THANGLONG	6/2022	Đạt 86%	21/11/2022	21/11/2027
22	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh	151	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	02/2022	Đạt 92%	07/8/2022	07/8/2027
		152	Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	02/2022	Đạt 92%	07/8/2022	07/8/2027
		153	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	02/2022	Đạt 86%	07/8/2022	07/8/2027
23	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	154	Luật	VNU-HCM CEA	4/2022	Đạt 94%	07/8/2022	07/8/2027
24	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	155	Thiết kế đồ họa	CEA-UD	01/2022	Đạt 90%	16/8/2022	16/8/2027
		156	Thiết kế công nghiệp	CEA-UD	01/2022	Đạt 90%	16/8/2022	16/8/2027
		157	Thiết kế nội thất	CEA-UD	01/2022	Đạt 92%	16/8/2022	16/8/2027
		158	Kỹ thuật xây dựng	CEA-UD	01/2022	Đạt 92%	16/8/2022	16/8/2027
		159	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	CEA-UD	01/2022	Đạt 92%	16/8/2022	16/8/2027
25	Trường Đại học Lao động - Xã hội	160	Bảo hiểm	VNU-CEA	6/2022	Đạt 82%	25/8/2022	25/8/2027
		161	Quản trị nhân lực	VNU-CEA	6/2022	Đạt 86%	25/8/2022	25/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		162	Kế toán	VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027
		163	Công tác xã hội	VNU-CEA	6/2022	Đạt 86%	25/8/2022	25/8/2027
		164	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027

II. THEO TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI

1	Trường Đại học KH XH&NV - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	1	Việt Nam học	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2017
		2	Ngữ văn Anh	AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017
		3	Quan hệ Quốc tế	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		4	Báo chí	AUN-QA	2016	Đạt	10/5/2016	09/5/2020
		5	Văn học	AUN-QA	2016	Đạt	14/12/2016	13/12/2021
		6	Công tác xã hội	AUN-QA	2017	Đạt	05/11/2017	04/11/2022
		7	Việt Nam học (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		8	Giáo dục học	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		9	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		10	Cử nhân ngành Lịch sử	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		11	Cử nhân ngành Trung Quốc	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		12	Cử nhân ngành Nhật Bản học	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
2	Trường Đại học Quốc tế - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	13	Khoa học máy tính	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014
		14			2017	Đạt	05/11/2017	04/11/2022
		15	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016
		16			2017	Đạt	05/01/2017	04/11/2022
		17	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2012	Đạt	14/01/2013	13/01/2017
		18			2017	Đạt	05/01/2017	04/01/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		16	Điện tử viễn thông	AUN-QA	2013	Đạt	03/5/2013	02/5/2017
		17	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	AUN-QA	2015	Đạt	10/5/2016	09/5/2019
		18	Kỹ thuật Y sinh	AUN-QA	2015	Đạt	10/5/2016	09/5/2019
				ABET	2019	Đạt	30/9/2019	30/9/2025
		19	Công nghệ Sinh học (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2016	Đạt	16/02/2017	15/02/2022
		20	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		21	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		22	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	11/11/2023
		23	Kỹ thuật Xây dựng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	11/11/2023
		24	Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông	ABET	2019	Đạt	30/9/2019	30/9/2025
		25	Quản trị kinh doanh (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		26	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	9/10/2026
3	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	27	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014
		28	Hóa học	AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
		29	Sinh học	AUN-QA	2017	Đạt	30/11/2017	04/10/2022
		30	Công nghệ Sinh học (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2018	Đạt	12/11/2018	11/11/2023
		31	Công nghệ Sinh học	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		32	Khoa học vật liệu	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		33	Khoa học máy tính (chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	09/10/2026
4	Trường Đại học Bách khoa - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	34	Điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014
					2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
		35	Cơ Điện tử	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		36	Kỹ thuật Hàng không	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		37	Vật liệu tiên tiến	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		38	Polime - Composite	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		39	Viễn thông	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		40	Hệ thống Năng lượng	CTI	2014	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		41	Xây dựng dân dụng và năng lượng	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		42	Kỹ thuật cơ khí (Kỹ thuật Chế tạo)	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016
		43	Kỹ thuật cơ khí (chương trình chất lượng cao)	AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028
		44	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		45	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		46	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		47	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		48	Kỹ thuật công trình xây dựng (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		49	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022
		50	Kỹ thuật xây dựng (Kỹ thuật xây dựng Dân dụng và Công nghiệp)	AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017
					2017	Đạt	05/10/2017	04/10/2022
		51	Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017
		52	Khoa học máy tính	ABET	2013	Đạt	06/7/2013	11/7/2017
					2020	Đạt	12/7/2021	30/9/2026
		53	Kỹ thuật máy tính	ABET	2013	Đạt	06/7/2013	11/7/2018
		54	Khoa học máy tính (chương trình chất lượng cao)	ABET	2020	Đạt	12/7/2021	30/9/2026
		55	Kỹ thuật máy tính (chương trình chất lượng cao)	ABET	2020	Đạt	12/7/2021	30/9/2026
		56	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	2014	Đạt	10/11/2014	9/11/2018
					2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
		57	Quản lý công nghiệp	AUN-QA	2014	Đạt	10/11/2014	9/11/2018
		58	Kỹ thuật Điện - Điện tử (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2019

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		59	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2019
				AQAS	2021	Đạt	21/2/2022	30/9/2028
		60	Cơ kỹ thuật	AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2020
		61	Kỹ thuật môi trường (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
		62	Điện - Điện tử (bao gồm tất cả các CTĐT của Khoa Điện-Điện tử)	AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2021
		63	Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2021
		64	Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ chuyên ngành tư vấn quản lý quốc tế - EMBA-MCI)	FIBAA	2009	Đạt	24/9/2010	23/9/2015
					2015	Đạt	27/11/2015	26/11/2022
				AACSB	2021	Đạt	13/7/2021	18/7/2026
		65	Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ Maastricht School of Management-MSM)	ACBSP	2010	Đạt	14/11/2010	12/7/2015
				AMBA	2016	Đạt	08/7/2016	10/7/2021
				IACBE	2010	Đạt	01/5/2010	09/7/2015
		66	Kỹ thuật xây dựng	AUN-QA	2017	Đạt	05/10/2017	04/10/2022
		67	Kỹ thuật nhiệt	AUN-QA	2018	Đạt	25/01/2018	24/01/2023
		68	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông (thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		69	Kỹ thuật viễn thông (thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		70	Kỹ thuật ô tô	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		71	Kỹ thuật ô tô (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		72	Kỹ thuật dầu khí	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		73	Kỹ thuật dầu khí (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		74	Kỹ thuật cơ điện tử	AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028
		75	Kỹ thuật cơ điện tử (chương trình chất lượng cao)	AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028
5	Trường Đại học Kinh tế Luật ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	76	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		77	Kinh tế đối ngoại	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		78	Kinh tế học	AUN-QA	2016	Đạt	10/5/2016	09/5/2020
		79	Kế toán	AUN-QA	2016	Đạt	07/4/2017	06/4/2021
		80	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2018	Đạt	25/02/2018	24/02/2023
		81	Luật dân sự	AUN-QA	2018	Đạt	25/02/2018	24/02/2023
		82	Kinh tế và Quản lý công	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		83	Hệ thống thông tin quản lý	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		84	Kiểm toán	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	9/10/2026
6	Trường Đại học Công nghệ Thông tin ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	85	Hệ thống thông tin	AUN-QA	2016	Đạt	16/02/2017	15/02/2021
		86	Truyền thông và mạng máy tính	AUN-QA	2018	Đạt	25/02/2018	24/02/2023
		87	Khoa học Máy tính	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		88	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		89	Kỹ thuật máy tính	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	9/10/2026
7	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	90	Tài chính - Ngân hàng	AUN-QA	2013	Đạt	12/7/2013	11/7/2018
		91	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2016	Đạt	16/7/2016	15/7/2022
		92	Kế toán	AUN-QA	2016	Đạt	16/7/2016	15/7/2021
		93	Kinh doanh quốc tế (chương trình tiếng Anh)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		94	Kinh doanh (chương trình tiếng Anh)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
		95	Kinh doanh (chương trình tiếng Anh - Thạc sĩ)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
		96	Kinh tế phát triển (Việt Nam - Hà Lan chương trình tiếng Anh - Thạc sĩ)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
		97	Ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
		98	Tài chính doanh nghiệp	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
		99	Tài chính công	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
		100	Kinh tế đầu tư	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
8	Trường Đại học FPT	101	Quản trị kinh doanh	ACBSP	2019	Đạt	21/11/2019	20/11/2029
9	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	102	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		103	Công nghệ kỹ thuật Cơ - Điện tử	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		104	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		105	Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng	AUN-QA	12/2016	Đạt	04/04/2017	03/04/2022
		106	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - truyền thông	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		107	Công nghệ Chế tạo máy	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		108	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		109	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		110	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		111	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		112	Quản lý công nghiệp	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		113	Công nghệ May	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024
		114	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024
		115	Công nghệ kỹ thuật in	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024
10	Trường Đại học Hoa Sen	116	Marketing	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		117	Quản trị kinh doanh	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		118	Quản trị nhân lực	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		119	Kế toán	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		120	Tài chính - Ngân hàng	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		121	Quản trị khách sạn	AUN-QA	2019	Đạt	04/5/2019	03/5/2024
		122	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	04/5/2019	03/5/2024
		123	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	AUN-QA	2021	Đạt	18/7/2021	17/7/2026
		124	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2021	Đạt	18/7/2021	17/7/2026
		125	Thiết kế nội thất	AUN-QA	2021	Đạt	18/7/2021	17/7/2026
11	Trường Đại học Thủy lợi	126	Kỹ thuật xây dựng	AUN-QA	2017	Đạt	16/02/2018	15/02/2023
		127	Kỹ thuật tài nguyên nước	AUN-QA	2017	Đạt	16/02/2018	15/02/2023
12	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (IUH)	128	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		129	Công nghệ Kỹ thuật Điện,	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		130	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử, Truyền thông	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		131	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		132	Kế toán	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		133	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		134	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		135	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
		136	Thương mại điện tử	AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
		137	Công nghệ may	AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
		138	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
		139	Công nghệ kỹ thuật máy tính	AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
		140	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		141	Công nghệ Chế tạo máy	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		142	Công nghệ Thông tin	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		143	Hệ thống thông tin	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		144	Công nghệ thực phẩm	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
		145	Công nghệ sinh học	ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
13	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh	146	Thú y	AUN-QA	2017	Đạt	07/01/2018	06/01/2023
		147	Công nghệ Thực phẩm	AUN-QA	2017	Đạt	07/01/2018	06/01/2023
14	Trường Đại học Ngoại thương	148	Kinh tế đối ngoại (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		149	Quản trị kinh doanh quốc tế (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		150	Ngân hàng và tài chính quốc tế (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		151	Kinh tế quốc tế (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		152	Kinh tế đối ngoại (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2021	Đạt	16/8/2021	15/8/2026
		153	Quản trị kinh doanh (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2021	Đạt	16/8/2021	15/8/2026
		154	Tài chính - ngân hàng định hướng nghiên cứu (Thạc sĩ)	AUN-QA	2021	Đạt	16/8/2021	15/8/2026
15	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	155	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		156	Khoa học môi trường	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		157	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		158	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		159	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		160	Kế toán	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		161	Tiếng Anh	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		162	Toán Ứng dụng	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		163	Quan hệ lao động	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026
		164	Quy hoạch vùng và đô thị	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026
		165	Xã hội học	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026
		166	Việt Nam học- chuyên Du lịch và Quản lý du lịch	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026
		167	Kiến trúc	AUN-QA	2021	Đạt	01/11/2021	31/10/2026
		168	Thiết kế đồ họa	AUN-QA	2021	Đạt	01/11/2021	31/10/2026
		169	Bảo hộ lao động	AUN-QA	2021	Đạt	01/11/2021	31/10/2026
16	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	170	Quản trị kinh doanh	IACBE	2019	Đạt	30/3/2020	30/4/2027
17	Trường Đại học Ngân	171	Tài chính	AUN-QA	2019	Đạt	25/5/2019	24/5/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	hàng TP. Hồ Chí Minh	172	Ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	25/5/2019	24/5/2024
18	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	173	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		174	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		175	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		176	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		177	Kế toán	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
		178	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
		179	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
		180	Công nghệ kỹ thuật ô tô	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
19	Trường Đại học Việt Đức	181	Kỹ thuật Điện và Máy tính	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
		182	Tính toán kỹ thuật và Mô phỏng trên máy tính	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
		183	Cơ điện tử và Công nghệ cảm biến	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
20	Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	184	Y khoa	AUN-QA	2021	Đạt	28/7/2021	27/7/2026
		185	Dược học	AUN-QA	2021	Đạt	28/7/2021	27/7/2026
21	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	186	Kinh tế (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		187	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		188	Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		189	Tài chính - Ngân hàng (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		190	Kế toán (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	23/3/2022	22/3/2027
		191	Kiểm toán	FIBAA	2021	Đạt	23/3/2022	22/3/2027
		192	Kinh tế	FIBAA	2021	Đạt	23/3/2022	22/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		193	Quản trị kinh doanh	FIBAA	2021	Đạt	23/3/2022	22/3/2027
		194	Kế toán	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		195	Khoa học máy tính	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		196	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		197	Tài chính - Ngân hàng	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
22	Trường Đại học Văn Lang	198	Công nghệ kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
		199	Thiết kế đồ họa	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
		200	Quản trị khách sạn	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
		201	Kế toán	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
23	Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm	202	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2019	Đạt	28/12/2019	27/12/2024
		203	Công nghệ kỹ thuật hóa học	AUN-QA	2019	Đạt	28/12/2019	27/12/2024
24	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	204	Sư phạm Hóa học	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		205	Sư phạm Vật lý	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		206	Giáo dục Tiểu học	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		207	Tâm lý học	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		208	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
		209	Ngôn ngữ Trung Quốc	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
		210	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
		211	Ngôn ngữ Pháp	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
25	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	212	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
		213	Kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
		214	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
		215	Kỹ thuật cơ điện tử	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
26	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	216	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	25/4/2027
27	Trường Đại học Sài Gòn	217	Sư phạm Toán học	AUN-QA	2022	Đạt	26/6/2022	26/6/2027
		218	Khoa học môi trường	AUN-QA	2022	Đạt	26/6/2022	26/6/2027
		219	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2022	Đạt	26/6/2022	26/6/2027
		220	Sư phạm Hóa học	AUN-QA	2022	Đạt	26/6/2022	26/6/2027

(*) Danh sách trích từ nguồn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Dữ liệu cập nhật đến ngày 31/01/2023)